

PHỤ LỤC I
Danh mục các chỉ tiêu cụ thể
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày tháng năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Đơn vị theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1.	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Đạt mức trung bình ở các lĩnh vực quan trọng của các tỉnh khu vực trung du và miền núi phía Bắc	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
2.	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình của khu vực	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
3.	Tỷ trọng kinh tế số	% GRDP	9-10	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
4.	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
5.	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Đơn vị theo dõi, đánh giá
6.	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
7.	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
8.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 40	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
9.	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,623$	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
10.	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	10	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
11.	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
12.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Đơn vị theo dõi, đánh giá
13.	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
14.	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
15.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 50	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
16.	Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII)	Thứ bậc	≤ 57	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
17.	Tham mưu, tổng hợp kinh phí ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dân theo yêu cầu phát triển hàng năm đảm bảo theo mục tiêu của tỉnh đã ban hành	%	≥ 3	Phòng Bưu chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin; Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
II	Đến năm 2045			
1.	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Thứ bậc	Phát triển vững chắc, góp phần đưa Lai Châu trở thành tỉnh có kinh tế, xã hội trên	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Đơn vị theo dõi, đánh giá
			mức trung bình của cả nước	
2.	Tỷ trọng kinh tế số	% GRDP	≥ 20	Phòng Bru chính - Viễn thông - Công nghệ thông tin
3.	Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương	Thứ bậc	≤ 55	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ